Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh
Email: hdnd@bacninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Ninh
Ngày ký: 17-11-2025 15:18:30 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 54/2025/NQ-HĐND	*Bắc Ninh, ngày 12 tháng 11 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 351/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và bãi bỏ các Nghị quyết: Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2022-2025, Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Ninh quy định phân cấp quản lý ngân sách các cấp chính quyền địa phương thuộc tỉnh Bắc Ninh năm 2022 và Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2023-2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Khoá XIX, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2025.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khoá XIX;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND; UBND các xã, phường;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh (01 bản);
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Nguyễn Việt Oanh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2025/NQ- HĐND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chi tiết nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Các nội dung khác liên quan đến quản lý ngân sách thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Ninh; đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là xã).

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp ngân sách hai cấp chính quyền

1. Phân cấp nguồn thu:

a) Phân cấp nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã được thực hiện đúng quy định của Luật số 89/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành, phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và khả năng quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

b) Phân cấp nguồn thu phải dựa trên cơ sở đặc điểm tính chất từng nguồn thu và khả năng thu của từng địa phương, chú trọng khả năng đáp ứng nhu cầu chi tại chỗ; tăng cường khai thác nguồn thu và chống thất thu của chính quyền mỗi cấp; hạn chế phân chia nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp, trừ các nguồn thu không ổn định hàng năm, nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý từng cấp chính quyền. Phân cấp tối đa nguồn thu thuộc cấp chính quyền quản lý trên địa bàn để có nguồn tài chính bảo đảm nhiệm vụ chi được giao, hạn chế bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.

c) Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo để thực hiện các chủ trương lớn, các nhiệm vụ quan trọng trên địa bàn tỉnh như: Tập trung vốn đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, thực hiện các chính sách quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc

phòng, an ninh; đồng thời có khả năng điều hoà nguồn lực tài chính ngân sách trên địa bàn tỉnh đảm bảo việc cân đối cho những xã, phường chưa thể cân đối được ngân sách.

d) Ngân sách cấp xã được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao.

đ) Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã trên cơ sở bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương.

2. Phân cấp nhiệm vụ chi:

a) Phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương theo quy định của pháp luật và phù hợp với năng lực quản lý của từng cấp chính quyền địa phương, đi đôi với đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mỗi cấp ngân sách.

b) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật số 89/2025/QH15.

c) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp tỉnh ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp xã thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp xã được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.

3. Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được bố trí từ hai nguồn chi đầu tư công và chi thường xuyên của ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật số 89/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn.

Chương II
PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã được quy định cụ thể tại Chương III của Quy định này.

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100% được quy định kèm theo Phụ lục II ban hành kèm theo quy định này.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã được quy định cụ thể tại Chương III của Quy định này.

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15, phù hợp với quy định về phân cấp quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và uỷ thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề:

Các trường trung học phổ thông, dân tộc nội trú, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên cấp tỉnh.

Các hoạt động đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề của tỉnh quản lý; đào tạo huấn luyện viên thể dục thể thao; trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ; một số nhiệm vụ đào tạo của các ngành theo các chương trình và đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công tác bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại đối với cán bộ, công chức theo kế hoạch đào tạo của tỉnh.

Các hoạt động giáo dục, đào tạo khác thuộc cấp tỉnh quản lý và được phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và dạy nghề theo quy định của pháp luật.

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Thực hiện Chiến lược, Kế hoạch, Chương trình, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

Quản lý, duy tu, bảo trì hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cấp tỉnh; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

Hoạt động quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp tỉnh.

Kinh phí cho các quỹ thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước.

Các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khác thuộc cấp tỉnh quản lý; hoạt động được phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật.

c) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

Hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh và các nhiệm vụ y tế, dân số, gia đình do cấp tỉnh quản lý gồm: Bệnh viện, Trung tâm kiểm soát bệnh tật, Trung tâm pháp y, Trung tâm giám định y khoa; công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe cán bộ; công tác điều dưỡng, phục hồi chức năng, vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình thuộc thẩm quyền cấp tỉnh.

Kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các chính sách của tỉnh theo phân cấp.

Các hoạt động y tế khác thuộc cấp tỉnh quản lý và được phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật.

d) Các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo thực hiện theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện; đăng ký nghĩa vụ quân sự, tổ chức khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự trong công tác tuyển quân; mua sắm quân trang dân quân tự vệ; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ chi ngân sách trung ương phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật; hoạt động thông tin, truyền thông, xuất bản, báo chí; các hoạt động văn hoá khác do cấp tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện và được phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa thông tin theo quy định của pháp luật.

e) Sự nghiệp phát thanh - truyền hình do cấp tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao do cấp tỉnh quản lý: Các giải thi đấu cấp tỉnh và tham dự các giải do Trung ương tổ chức; quản lý các cơ sở thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác do cấp tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện và được phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thể dục thể thao theo quy định của pháp luật.

h) Chi đảm bảo xã hội: Bảo hiểm xã hội tự nguyện; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp tỉnh quản lý. Hoạt động các cơ sở xã hội, hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác do cấp tỉnh quản lý và được phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đảm bảo xã hội theo quy định của pháp luật.

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Bao gồm hoạt động điều tra, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường; khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường; xây dựng, quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; hoạt động bảo vệ môi trường khác do cấp tỉnh quản lý và được phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

k) Các hoạt động kinh tế do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý:

Sự nghiệp giao thông vận tải: quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh, quốc lộ, đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ (trừ một số công trình trên tuyến giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý), đường dành cho giao thông công cộng trong phạm vi ranh giới các khu công nghiệp và các tuyến đường cấp tỉnh quản lý khác; đường thủy nội địa; đường sắt đô thị, bãi đỗ xe theo phân cấp quản lý của tỉnh và các quy định hiện hành. Quản lý, tổ chức giao thông trên địa bàn tỉnh.

Sự nghiệp thị chính: Quản lý, duy tu, bảo trì, hệ thống tiêu thoát nước, hồ, công viên, cây xanh, thảm cỏ, xử lý nước thải đô thị và các sự nghiệp thị chính khác theo phân cấp quản lý của tỉnh.

Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp: Quản lý, duy tu, bảo trì các tuyến đê, các công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý; các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chăn nuôi, thú y và thủy sản; bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, tài nguyên nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đa dạng sinh học, viễn thám; quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; duy trì, bảo tồn rừng đặc dụng và rừng phòng hộ theo phân cấp của tỉnh.

Hoạt động quy hoạch sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật; công tác đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác thuộc cấp tỉnh thực hiện theo phân cấp.

Quản lý, vận hành, duy trì, bảo trì các hệ thống xử lý nước thải do tỉnh đầu tư hoặc được nhận bàn giao.

Công tác khuyến công, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của tỉnh.

Chi trả kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi địa phương theo quy định của pháp luật.

Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác do cấp tỉnh quản lý và được phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực kinh tế theo quy định của pháp luật.

l) Chi quản lý hành chính

Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam do tỉnh quản lý, bao gồm: Hoạt động của Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan Đảng trực thuộc Tỉnh ủy; hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; hoạt động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; hoạt động của các sở, ban, ngành và các cơ quan quản lý Nhà nước khác thuộc tỉnh; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

Kinh phí cho các quỹ thực hiện nhiệm vụ về xây dựng chính sách, pháp luật theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước.

m) Hỗ trợ các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được cấp tỉnh giao.

n) Trợ giá, trợ cước theo chính sách của Nhà nước và của tỉnh.

o) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản do cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

7. Ghi chi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng nhà đầu tư là tổ chức đã ứng trước được trừ vào tiền thuê đất, sử dụng đất; ghi chi giá trị tài sản công thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) do cấp tỉnh thực hiện.

8. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.

9. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.

10. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật số 89/2055/QH15.

11. Chi nộp trả ngân sách cấp trên.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15, phù hợp với quy định về phân cấp quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh;

b) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục – đào tạo:

Chi thường xuyên và tăng cường cơ sở vật chất ở các cấp học: Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung tâm Chính trị; đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức cho

cán bộ công chức cấp xã, cán bộ không chuyên trách thôn; chi miễn giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập; chi thực hiện một số chế độ chính sách đối với trường trọng điểm, tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi; kinh phí khai thác, sử dụng bể bơi; chi thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật và các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Thực hiện kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp xã.

Hoạt động quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp xã.

Các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp xã quản lý; hoạt động được phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật.

c) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do cấp xã quản lý theo phân cấp

Chi cho hoạt động phòng bệnh, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu, dân số - kế hoạch hóa gia đình và truyền thông giáo dục sức khỏe trên địa bàn.

Chi cho công tác phối hợp phòng, chống dịch bệnh và quản lý nhà nước về y tế thuộc trách nhiệm của cấp xã.

Hỗ trợ hoạt động của Trạm y tế, nhân viên y tế thôn, bản, cỗ đỡ thôn bản và cộng tác viên dân số theo quy định của pháp luật.

Các nhiệm vụ chi khác trong lĩnh vực y tế, dân số và gia đình được phân cấp cho cấp xã theo quy định của pháp luật.

d) Các nhiệm vụ Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội (bao gồm cả công tác phòng cháy, chữa cháy) phần giao cho cấp xã quản lý.

Chi cho các hoạt động do cơ quan quân sự cấp trên phân cấp như: Tổ chức huy động lực lượng dự bị động viên; tổ chức hoạt động lực lượng dân quân tự vệ do cấp xã quản lý; Tổ chức thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, tổ chức sơ tuyển trong công tác tuyển quân; công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và các nhiệm vụ quốc phòng thường xuyên khác theo phân cấp.

Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các trợ cấp, phụ cấp dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật (không bao gồm mua sắm quân trang).

Chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

Chi thực hiện chế độ cho lực lượng an ninh trật tự ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

Chi cho công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật. Tùy theo khả năng cân đối ngân sách cấp xã chi hỗ trợ các đơn vị quốc phòng, an ninh đóng trên địa bàn thực hiện một số nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Chi các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa thông tin cấp xã quản lý và được phân quyền, phân cấp thuộc lĩnh vực văn hóa thông tin theo quy định của pháp luật.

e) Sự nghiệp phát thanh - truyền hình do cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện và được phân quyền, phân cấp thuộc lĩnh vực phát thanh - truyền hình theo quy định của pháp luật.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao do cấp xã quản lý và được phân quyền, phân cấp thuộc lĩnh vực phát thanh - truyền hình theo quy định của pháp luật.

h) Chi đảm bảo xã hội:

Chi thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, thực hiện chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật; chi cứu trợ xã hội; trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung phong theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; trợ cấp một lần cho đối tượng tham gia kháng chiến được tặng bằng khen theo Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh; hỗ trợ hỏa táng, điện táng; mai táng phí; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách; chi trợ cấp đối tượng chính sách khác theo quy định của pháp luật.

Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã, phường đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ về bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ 01/01/1998 trở về sau do tổ chức bảo hiểm xã hội chi); thăm hỏi các gia đình chính sách, chi cứu tế xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, tặng quà cho các đối tượng người có công với cách mạng, người cao tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo và công tác xã hội khác của xã, phường.

Kinh phí điều tra dữ liệu thị trường lao động; kinh phí rà soát hộ nghèo hàng năm.

Các hoạt động đảm bảo xã hội khác do cấp xã quản lý, thực hiện và được phân quyền, phân cấp thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội theo quy định của pháp luật.

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường:

Công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên đường phố và khu dân cư, quản lý các công trình vệ sinh công cộng, các hoạt động công ích về môi trường khác theo phân cấp.

Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân về các điểm tập kết của các thôn; xử lý chất thải rắn tại nhà máy xử ký chất thải rắn sinh hoạt, lò đốt phân loại rác thải tại nguồn theo phân cấp.

Duy trì vệ sinh môi trường trên các tuyến đường giao thông tỉnh lộ, liên xã, liên vùng trên địa bàn quản lý theo phân cấp.

Các hoạt động bảo vệ môi trường khác tại cấp xã theo quy định của pháp luật và được phân quyền, phân cấp thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

k) Các hoạt động kinh tế:

Sự nghiệp giao thông vận tải: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường đô thị, đường nối các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (trừ các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý), đường xã, đường thôn, các tuyến đường khác và một số công trình trên tuyến đường bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao; bãi đỗ xe theo phân cấp quản lý của tỉnh và các quy định hiện hành. Quản lý, tổ chức giao thông trên địa bàn xã, phường.

Sự nghiệp kiến thiết thị chính: Quản lý, duy tu, bảo trì, cấp điện hệ thống chiếu sáng công cộng; hỗ trợ điện chiếu sáng đường làng, ngõ xóm đối với các thôn, tổ dân phố; cải tạo sửa chữa các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng do xã quản lý; công viên, cây xanh của trên địa bàn theo phân cấp.

Chi bảo vệ rừng tự nhiên, chi thực hiện bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, chi sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy sản khác do cấp xã quản lý theo phân cấp.

Sự nghiệp thủy lợi do cấp xã quản lý theo phân cấp.

Chi công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai do cấp xã thực hiện.

Lĩnh vực quy hoạch, thương mại, du lịch do cấp xã quản lý theo phân cấp.

Hỗ trợ khuyến khích các sự nghiệp kinh tế: Khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo phân cấp.

Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác do cấp xã quản lý và được phân quyền, phần cấp thuộc lĩnh vực kinh tế theo quy định pháp luật.

l) Chi quản lý hành chính:

Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội do cấp xã quản lý.

Chi phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố theo quy định của UBND tỉnh và các hỗ trợ khác cho hoạt động của thôn, bản, tổ dân phố.

Chi mua và đọc báo, tạp chí của Đảng đối với đảng viên 50 năm tuổi đảng, là cán bộ, sỹ quan cao cấp trong lực lượng vũ trang nghỉ hưu trên địa bàn các xã theo Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 28/12/1996 của Bộ Chính trị về mua và đọc báo, tạp chí của Đảng.

m) Hỗ trợ các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp cấp xã theo quy định của pháp luật.

o) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Ghi chi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân đã ứng trước được trừ vào tiền thuê đất, sử dụng đất; ghi chi giá trị tài sản công thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) do cấp xã thực hiện.

5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ;

6. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật số 89/2025/QH15.

7. Chi nộp trả ngân sách cấp trên.

Chương III
TỶ LỆ PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH HAI CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

Sau khi điều tiết về ngân sách trung ương theo quy định, khoản thu phần ngân sách địa phương được hưởng thực hiện phân chia bao gồm:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

2. Thuế thu nhập cá nhân (trừ thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công, thu nhập cá nhân từ sản xuất kinh doanh của cá nhân và từ đầu tư vốn của cá nhân).

3. Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) của doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

4. Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

5. Lệ phí trước bạ.

Điều 9. Phân cấp, phân chia khoản thu tiền chậm nộp; Giá trị nộp ngân sách nhà nước - M quy định tại Điều 48 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024

1. Đối với khoản thu tiền chậm nộp

a) Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng từng tiểu mục theo quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước: Thực hiện phân cấp, phân chia theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp được quy định tại Quy định này.

b) Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu: Thực hiện phân cấp và phân chia theo nguyên tắc số thu tiền chậm nộp từ người nộp thuộc cấp nào quản lý thì ngân sách cấp đó hưởng 100% (cấp tỉnh quản lý thu thì ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%, cấp xã quản lý thu thì ngân sách cấp xã hưởng 100%).

c) Các khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp Trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng địa phương được hưởng: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

2. Giá trị nộp ngân sách nhà nước - M quy định tại Điều 48 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất: Áp dụng tỷ lệ phần trăm (%) phân chia như các khoản thu tại điểm d, khoản 2, Điều 10 Quy định này.

Điều 10. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Nguyên tắc chung:

a) Đảm bảo đúng quy định của Luật số 89/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật; phù hợp với đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng thu của từng xã, phường trên địa bàn tỉnh (xã có tiền sử dụng đất lớn phải điều tiết về ngân sách cấp tỉnh nhiều hơn; xã khó khăn được giữ lại nhiều hơn. Xã vượt thu được thưởng thêm, tạo động lực tăng cường quản lý đất đai).

b) Tiền sử dụng đất (bao gồm thu tiền sử dụng đất được phân chia theo tỷ lệ phần trăm và giá trị thưởng) đảm bảo phần ngân sách cấp xã được hưởng không lớn hơn 700 tỷ đồng/năm và không lớn hơn nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công của xã, phường đó.

Trường hợp phần ngân sách cấp xã được hưởng lớn hơn 700 tỷ đồng/năm hoặc lớn hơn nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công của xã, phường thì phần dôi dư thực hiện điều tiết về ngân sách cấp tỉnh.

2. Chi tiết tỷ lệ phần trăm (%) phân chia tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Sau khi điều tiết về ngân sách trung ương theo quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 36 Luật số 89/2025/QH15, số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phần ngân sách địa phương được hưởng được coi là 100% thì tỷ lệ phân chia như sau:

a) Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cấp tỉnh hưởng 100%: Chi tiết tại khoản 7, mục II, Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

b) Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cấp xã hưởng 100%: Chi tiết tại khoản 4, mục II, Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

c) Tiền sử dụng đất của các dự án khu đô thị, khu dân cư thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, điều tiết: Ngân sách cấp tỉnh 50%; ngân sách cấp xã 50%.

d) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (trừ thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này) được quy định chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Quy định này.

3. Quy định về thưởng vượt thu tiền sử dụng đất cho ngân sách cấp xã: Hết năm ngân sách, trường hợp ngân sách cấp tỉnh có tăng thu so với dự toán từ tiền sử dụng đất và ngân sách cấp tỉnh không hụt thu so với dự toán, ngân sách cấp tỉnh trích một phần số tăng thu tiền sử dụng đất để thưởng cho các địa phương có tăng thu theo nguyên tắc và mức thưởng như sau:

a) Nguyên tắc thưởng vượt thu

Tổng các khoản thu điều tiết về ngân sách cấp tỉnh và thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh phải tăng so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã, phường năm xét thưởng tăng so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (không tính riêng từng khoản thu).

Tỷ lệ vượt thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh tăng so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao đạt từ 50% trở lên.

Số thưởng vượt thu tiền sử dụng đất cho các xã, phường tối đa không vượt quá tổng số chênh lệch thu tiền sử dụng đất thực hiện so với dự toán của các xã, phường điều tiết về ngân sách cấp tỉnh năm xét thưởng.

Đảm bảo cân đối chung của ngân sách cấp tỉnh (căn cứ tình hình thực tế theo năm xét thưởng).

b) Mức thưởng

Xã, phường vượt dự toán thu sử dụng đất từ 50% trở lên so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao: Cấp xã được thưởng tối đa không quá 30% số vượt thu phần ngân sách cấp tỉnh được hưởng.

Xã, phường vượt dự toán thu sử dụng đất từ 20% đến dưới 50% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao: Cấp xã được thưởng tối đa không quá 15% số vượt thu phần ngân sách cấp tỉnh được hưởng.

Đối với các xã thuộc quy hoạch lên phường vượt thu dự toán sử dụng đất, ngoài các cơ chế thưởng trên, ngân sách cấp xã được thưởng thêm tối đa không quá 10% số vượt thu phần ngân sách cấp tỉnh được hưởng.

Tổng số thu tiền sử dụng đất xã, phường được hưởng đảm bảo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

Điều 11. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu (không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất)

Giao UBND tỉnh xây dựng phương án tỷ lệ cụ thể phân chia từng khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã quy định tại khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 8 Quy định này, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh, chủ động của ngân sách cấp xã trình Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh xem xét, quyết định cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước.

Trường hợp các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn mà chưa có tỷ lệ phân chia hoặc các khoản thu không gắn mã địa bàn phù hợp thì ngoài phần điều tiết ngân sách trung ương (nếu có), phần còn lại điều tiết ngân sách cấp tỉnh./.

Phụ lục I

CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH CẤP TỈNH HƯỞNG 100%

(Kèm theo Quy định Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, kèm theo Nghị quyết số 54/2025/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Khoản thu ngân sách
I	**Các khoản thu quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025**
1	Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) trừ thuế tài nguyên từ khu vực ngoài quốc doanh.
2	Tiền cho thuê mặt nước nộp một lần cho cả thời gian thuê.
3	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.
4	Thu từ hoạt động xổ số.
5	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu.
6	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.
7	Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.
8	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.
9	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện. Các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.
10	Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện thu (không kể lệ phí trước bạ).
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của địa phương cấp phép.
12	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, tịch thu, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện.
13	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp tỉnh.
14	Ghi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân đã ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB); ghi thu giá trị tài sản công thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) do cấp tỉnh thực hiện.
15	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.
16	Khoản thu hồi các khoản chi nộp ngân sách nhà nước qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thẩm định quyết toán do cấp tỉnh quản lý.
17	Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

STT	Khoản thu ngân sách
18	Thu từ các khoản hoàn trả của ngân sách cấp xã.
19	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp tỉnh.
20	Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.
II	**Các khoản thu quy định tại Khoản 2, Điều 36, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (Phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định)**
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế TNDN từ doanh nghiệp từ khu vực ngoài quốc doanh.
2	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công.
3	Thuế tiêu thụ đặt biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt của khu vực ngoài quốc doanh.
4	Thuế bảo vệ môi trường.
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép thực hiện phần ngân sách địa phương hưởng 30%.
6	Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế GTGT được hoàn theo quy định của Luật Thuế GTGT), trừ thuế GTGT của khu vực ngoài quốc doanh.
7	Số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phần ngân sách địa phương được hưởng sau khi điều tiết về ngân sách trung ương theo quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 36 Luật số 89/2025/QH15, gồm:
a	*Tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý (đất trụ sở, đất thuộc tài sản công do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc nhà nước quản lý)*
b	*Tiền thuê đất nộp một lần cho cả thời gian thuê*

Phụ lục II

CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH CẤP XÃ HƯỞNG 100%

(Kèm theo Quy định Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, kèm theo Nghị quyết số 54/2025/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Khoản thu ngân sách
I	**Các khoản thu quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025**
1	Thuế tài nguyên từ khu vực ngoài quốc doanh.
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
4	Tiền cho thuê mặt nước (trừ tiền cho thuê mặt nước nộp một lần cho cả thời gian thuê).
5	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do đơn vị thuộc cấp xã quản lý.
6	Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.
7	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý.
8	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện. Các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền thuộc cấp xã giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.
9	Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã quản lý thực hiện thu (không kể lệ phí trước bạ).
10	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, tịch thu, thu phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện.
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.
12	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã.
13	Ghi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân đã ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB); ghi thu giá trị tài sản công thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) do cấp xã thực hiện.
14	Thu kết dư ngân sách cấp xã.
15	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp xã.
16	Khoản thu hồi các khoản chi nộp ngân sách nhà nước qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thẩm định quyết toán do cấp xã quản lý.
17	Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.
II	**Các khoản thu quy định tại Khoản 2, Điều 36, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (Phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định)**
1	Thuế thu nhập cá nhân từ sản xuất kinh doanh của cá nhân và từ đầu tư vốn của cá nhân.
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt của khu vực ngoài quốc doanh

STT	Khoản thu ngân sách
3	Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế GTGT được hoàn theo quy định của Luật Thuế GTGT) của cá nhân, hộ kinh doanh
4	Số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phần ngân sách địa phương được hưởng sau khi điều tiết về ngân sách trung ương theo quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 36 Luật số 89/2025/QH15, gồm:
a	*Tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý (đất trụ sở, đất thuộc tài sản công do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc nhà nước quản lý)*
b	*Tiền sử dụng đất từ đất dân cư dịch vụ, đất dôi dư, xen kẹp, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (hộ gia đình, cá nhân)*

Phụ lục III

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT, GIÁ TRỊ NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC - M

(Kèm theo Quy định Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, kèm theo Nghị quyết số 54/2025/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Xã, phường	Tỷ lệ ngân sách cấp xã được hưởng (%)	Tỷ lệ ngân sách cấp tỉnh được hưởng (%)
1	Phường Kinh Bắc	30	70
2	Xã Tiên Du	30	70
3	Phường Tam Sơn	30	70
4	Phường Từ Sơn	30	70
5	Phường Tân Tiến	30	70
6	Xã Liên Bão	30	70
7	Phường Phù Khê	30	70
8	Phường Vũ Ninh	40	60
9	Xã Lục Nam	40	60
10	Phường Tiền Phong	40	60
11	Phường Đa Mai	40	60
12	Xã Đại Đồng	40	60
13	Phường Hạp Lĩnh	40	60
14	Phường Nam Sơn	40	60
15	Phường Võ Cường	40	60
16	Xã Tam Đa	40	60
17	Xã Bắc Lũng	40	60
18	Phường Quế Võ	40	60
19	Phường Bắc Giang	40	60
20	Phường Đồng Nguyên	40	60
21	Phường Nếnh	40	60
22	Xã Phật Tích	40	60
23	Phường Tân An	40	60
24	Xã Lạng Giang	40	60
25	Xã Tân Yên	40	60
26	Xã Mỹ Thái	40	60
27	Phường Song Liễu	40	60
28	Phường Tự Lạn	45	55
29	Xã Tân Dĩnh	45	55
30	Xã Kép	45	55
31	Xã Nhã Nam	45	55
32	Xã Đông Phú	45	55
33	Phường Chũ	45	55
34	Xã Bảo Đài	45	55
35	Phường Cảnh Thụy	45	55
36	Phường Phượng Sơn	45	55
37	Phường Việt Yên	45	55

TT	Xã, phường	Tỷ lệ ngân sách cấp xã được hưởng (%)	Tỷ lệ ngân sách cấp tỉnh được hưởng (%)
38	Phường Thuận Thành	45	55
39	Phường Trí Quả	45	55
40	Xã Hiệp Hòa	45	55
41	Phường Mão Điền	45	55
42	Phường Phương Liễu	45	55
43	Xã Ngọc Thiện	45	55
44	Xã Lâm Thao	45	55
45	Phường Vân Hà	45	55
46	Xã Quang Trung	45	55
47	Xã Tiên Lục	45	55
48	Xã Xuân Cẩm	50	50
49	Xã Phúc Hòa	50	50
50	Xã Chi Lăng	50	50
51	Phường Bồng Lai	50	50
52	Xã Phù Lãng	50	50
53	Xã Đại Lai	50	50
54	Xã Cao Đức	50	50
55	Phường Ninh Xá	50	50
56	Xã Tam Giang	50	50
57	Xã Đông Cứu	50	50
58	Xã Trung Chính	50	50
59	Xã Tân Chi	50	50
60	Phường Nhân Hòa	50	50
61	Xã Yên Trung	50	50
62	Xã Lương Tài	50	50
63	Phường Đào Viên	50	50
64	Xã Văn Môn	50	50
65	Xã Hoàng Vân	50	50
66	Xã Trung Kênh	50	50
67	Xã Nhân Thắng	50	50
68	Xã Đồng Việt	50	50
69	Phường Trạm Lộ	50	50
70	Xã Hợp Thịnh	50	50
71	Xã Yên Phong	50	50
72	Xã Gia Bình	50	50
73	Phường Yên Dũng	50	50
74	Xã Bố Hạ	100	0
75	Xã Lục Sơn	100	0
76	Xã Trường Sơn	100	0
77	Xã Cẩm Lý	100	0
78	Xã Nghĩa Phương	100	0
79	Xã Đại Sơn	100	0
80	Xã Sơn Động	100	0
81	Xã Yên Định	100	0
82	Xã Vân Sơn	100	0

TT	Xã, phường	Tỷ lệ ngân sách cấp xã được hưởng (%)	Tỷ lệ ngân sách cấp tỉnh được hưởng (%)
83	Xã Tuấn Đạo	100	0
84	Xã Sa Lý	100	0
85	Xã Sơn Hải	100	0
86	Xã Kiên Lao	100	0
87	Xã Biên Sơn	100	0
88	Xã Nam Dương	100	0
89	Xã Biển Động	100	0
90	Xã Xuân Lương	100	0
91	Xã Dương Hưu	100	0
92	Xã Lục Ngạn	100	0
93	Xã Đồng Kỳ	100	0
94	Xã Đèo Gia	100	0
95	Xã An Lạc	100	0
96	Xã Tân Sơn	100	0
97	Xã Tây Yên Tử	100	0
98	Xã Yên Thế	100	0
	Xã Tam Tiến	100	0

Lưu ý: Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được phân chia tại Phụ lục này không bao gồm tiền sử dụng đất quy định tại điểm a, b, c Khoản 2, Điều 10 Quyết định này.